

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2024
V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyễn**

2. Ông **Lại Hữu Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thành**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 283/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2024 về việc “Tranh chấp về ly hôn ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim T**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Xã TK, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Đỗ Hữu T**, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Xã TK, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà T và ông T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 20/3/2024, bản tự khai ngày 22/4/2024 và biên bản ghi nhận sự việc ngày 22/4/2024 - nguyên đơn bà Võ Thị Kim T trình bày: Bà T và ông T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1994, do tự tìm hiểu, không tổ chức đám cưới nhưng cho đến nay không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu bà và ông T chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra,

đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vợ chồng gây gổ với nhau thường xuyên dẫn đến không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện bà và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung tên Đỗ Thảo N, giới tính nữ, sinh ngày 05/01/2006 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2024 và biên bản ghi nhận sự việc ngày 22/4/2024 - bị đơn ông Đỗ Hữu T trình bày: Ông và Bà T bắt đầu chung sống với nhau từ năm 1994, do tự tìm hiểu, không tổ chức đám cưới nhưng cho đến nay không có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu ông và Bà T chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vợ chồng gây gổ với nhau thường xuyên dẫn đến không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Hiện ông và Bà T đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và Bà T không còn nữa nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà T.

Về con chung: Ông và Bà T có 01 con chung tên Đỗ Thảo N, giới tính nữ, sinh ngày 05/01/2006 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: ông T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông T xác nhận không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị Kim T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Đỗ Hữu T. Ông Đỗ Hữu T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bà Võ Thị Kim T nộp đơn xin ly hôn với ông Đỗ Hữu T vì cho rằng giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2023 cho đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và gây gổ với nhau, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà T và ông T đã tự nguyện ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994, không tổ chức đám cưới và cho đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quy định: “Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Từ những quy định trên, việc bà Võ Thị Kim T yêu cầu xin ly hôn với ông Đỗ Hữu T là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, cần tuyên bố bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T không phải là vợ chồng.

[6] Về con chung: Bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T có 01 con chung tên Đỗ Thảo N, giới tính nữ, sinh ngày 05/01/2006, đã trưởng thành.

[7] Về tài sản chung: Bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T đều yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Võ Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T có 01 con chung tên Đỗ Thảo N, giới tính nữ, sinh ngày 05/01/2006, đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T đều yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị Kim T và ông Đỗ Hữu T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Võ Thị Kim T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Bà T đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23P 0033486 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Định

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 26/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình chánh, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vân Hương**

Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2/ Bà **Lê Thị Kim Anh**

Đã nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 428/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông **Đào Bá Sáng**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Phú Diễn, xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Bà **Đặng Thị Vân**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: C9/16A21 Khu phố 3, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận ông Đào Bá Sáng và bà Đặng Thị Vân là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông Đào Bá Sáng và bà Đặng Thị Vân không có con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đào Bá Sáng và bà Đặng Thị Vân xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/Về án phí: Ông Đào Bá Sáng chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Sáng đã nộp theo biên lai thu số 08804 ngày 23/02/2018 của Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông Sáng đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 26 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Định

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- THADS huyện BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Vân Hương